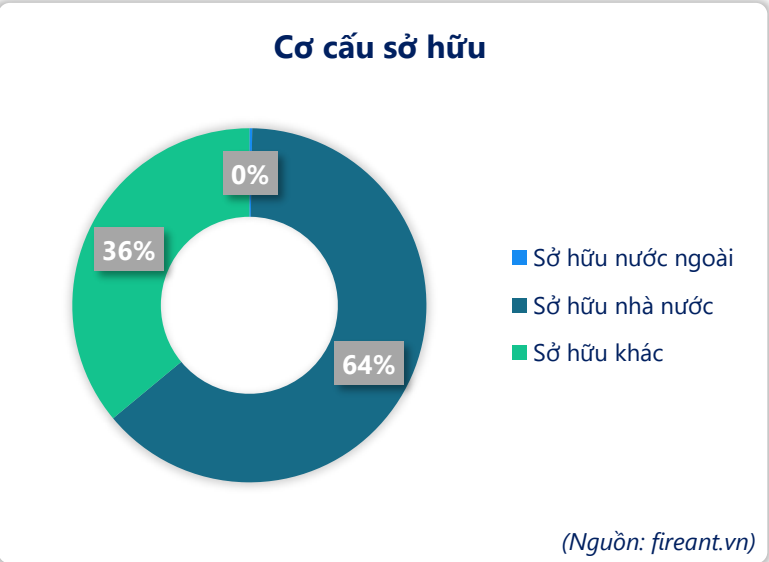
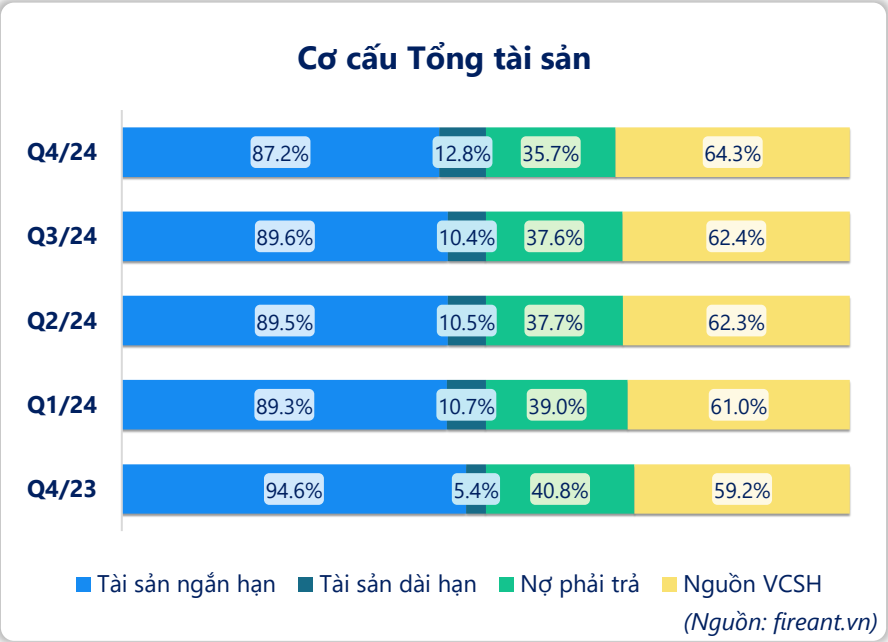
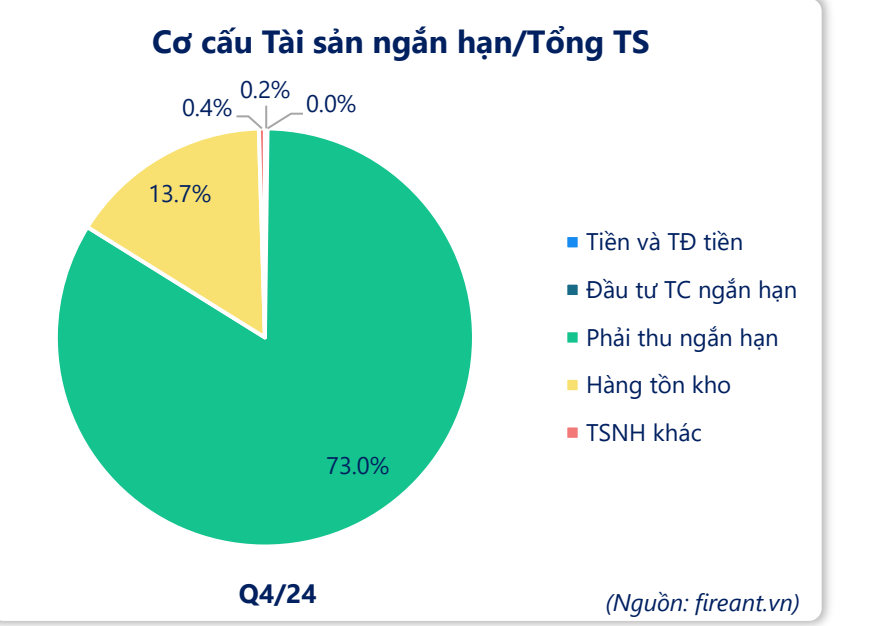
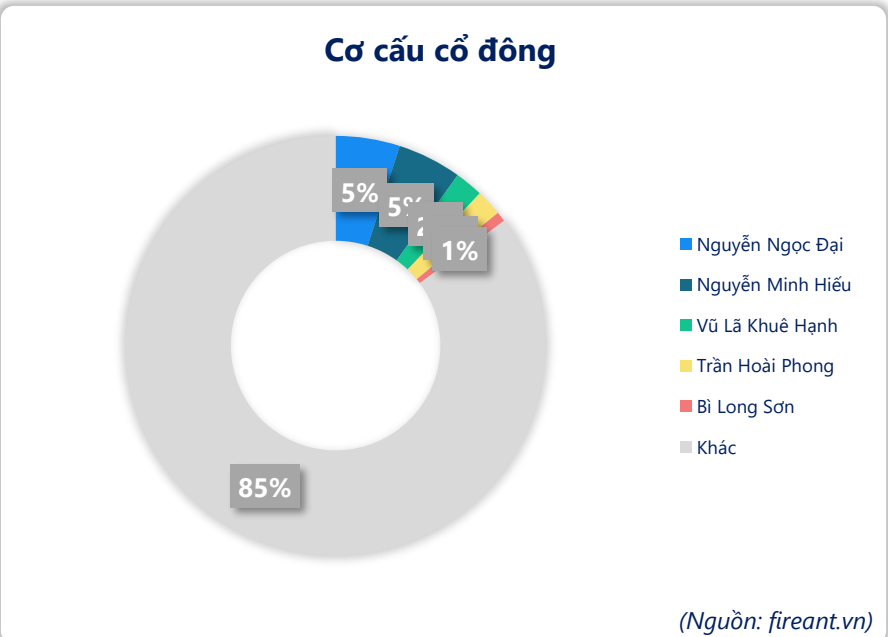
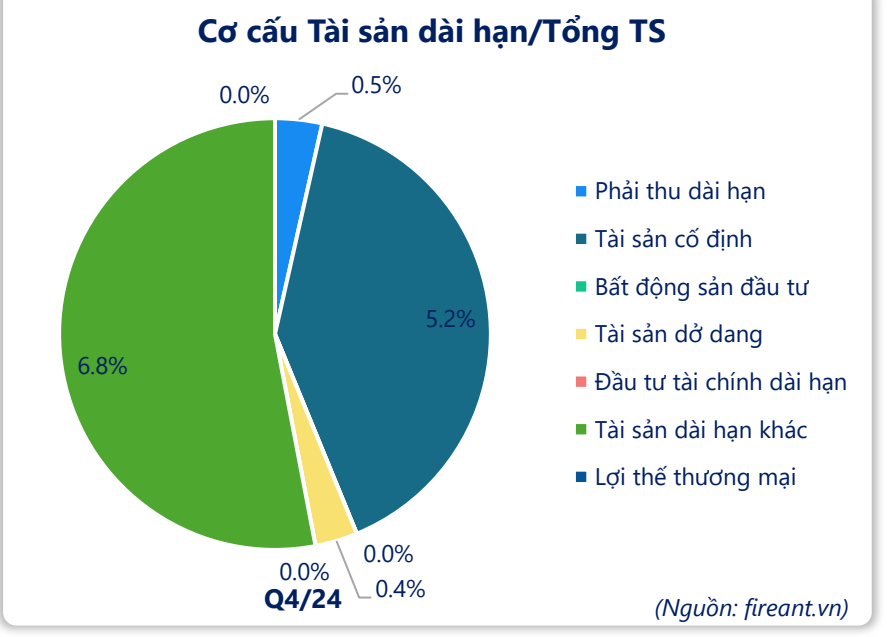
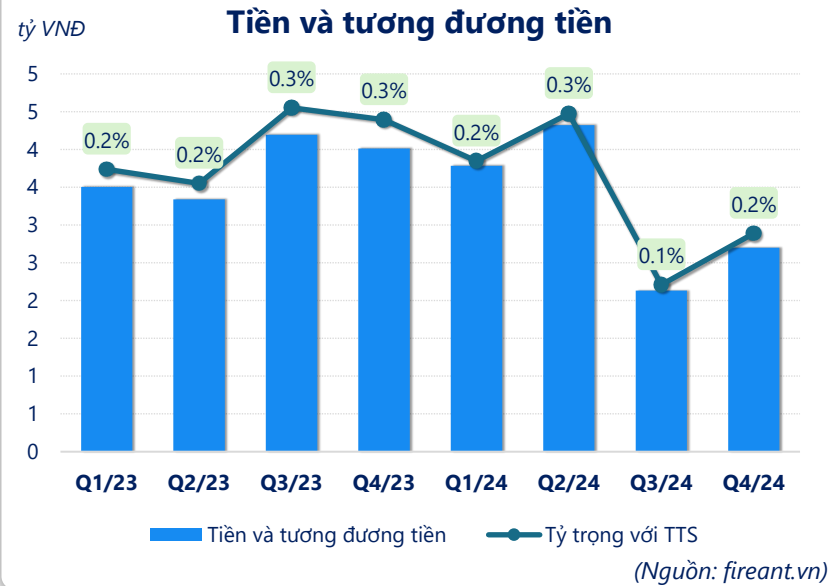
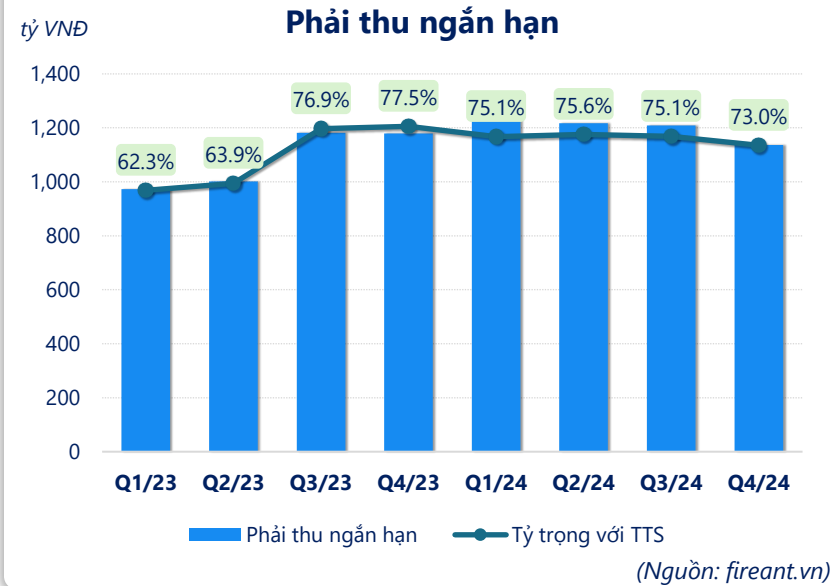
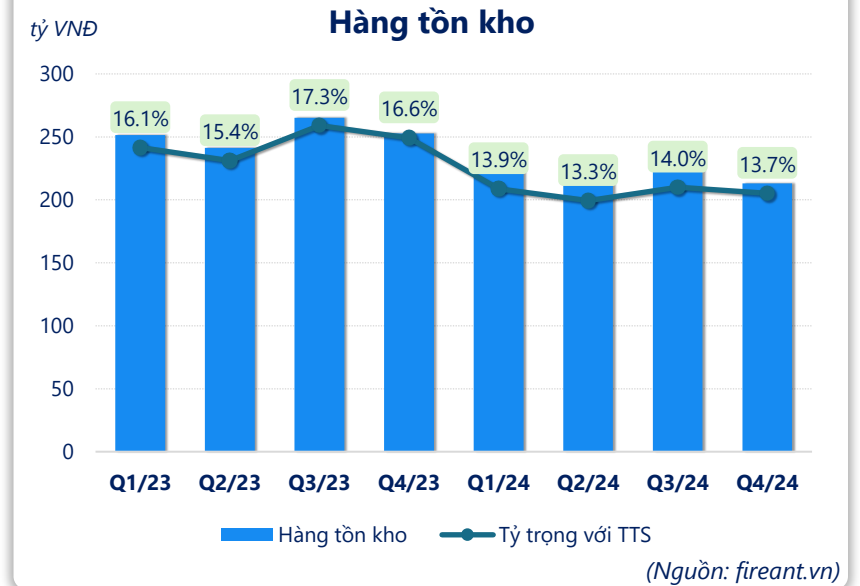
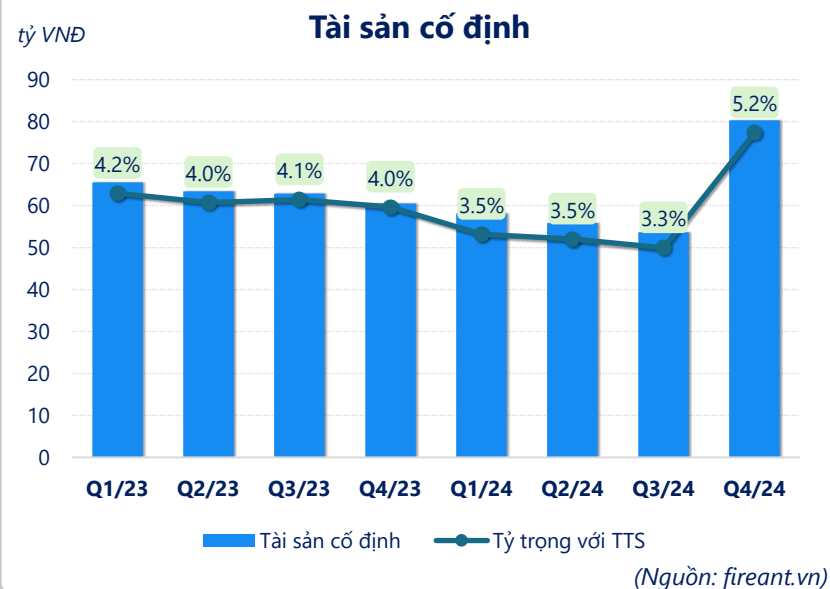
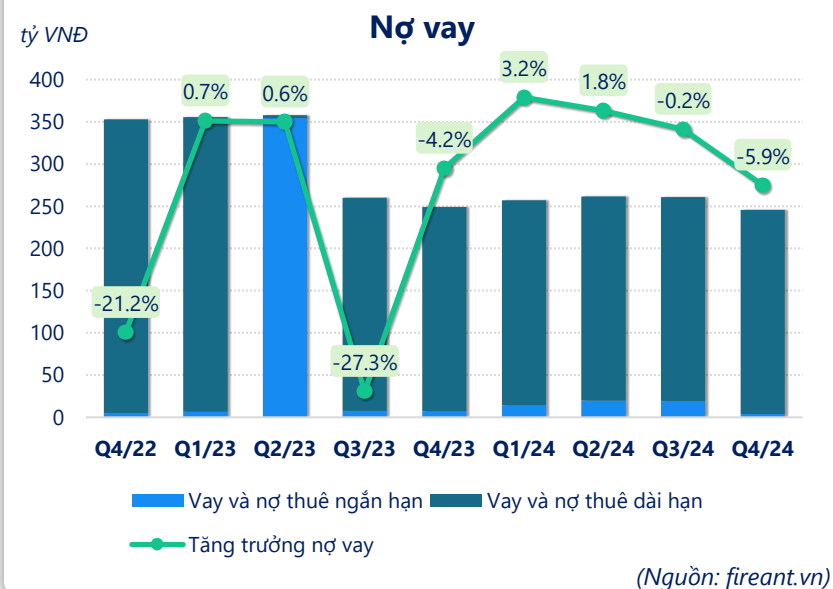
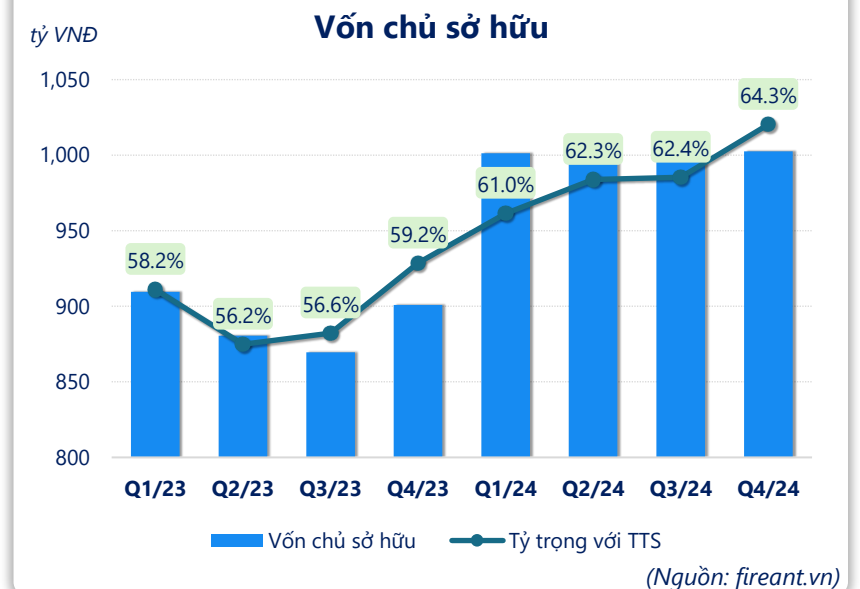
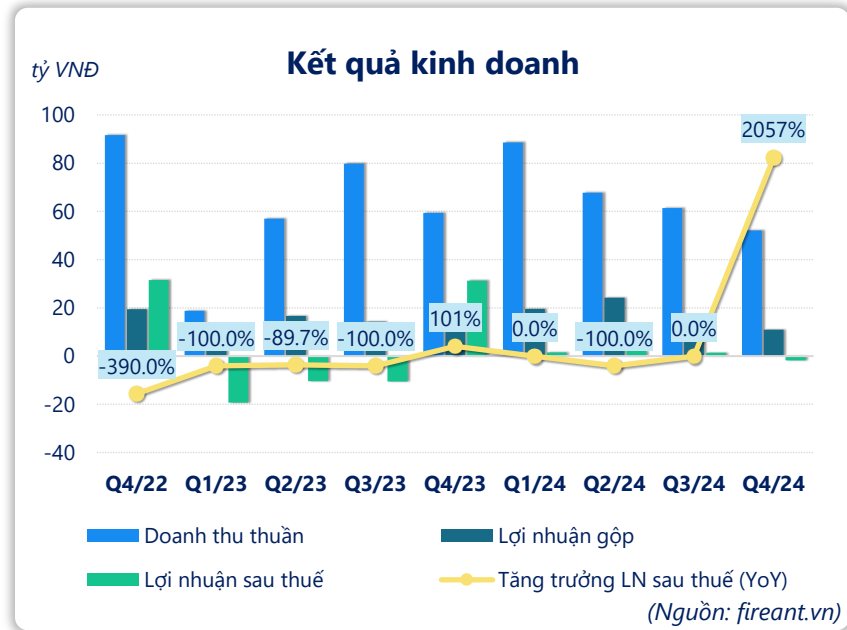
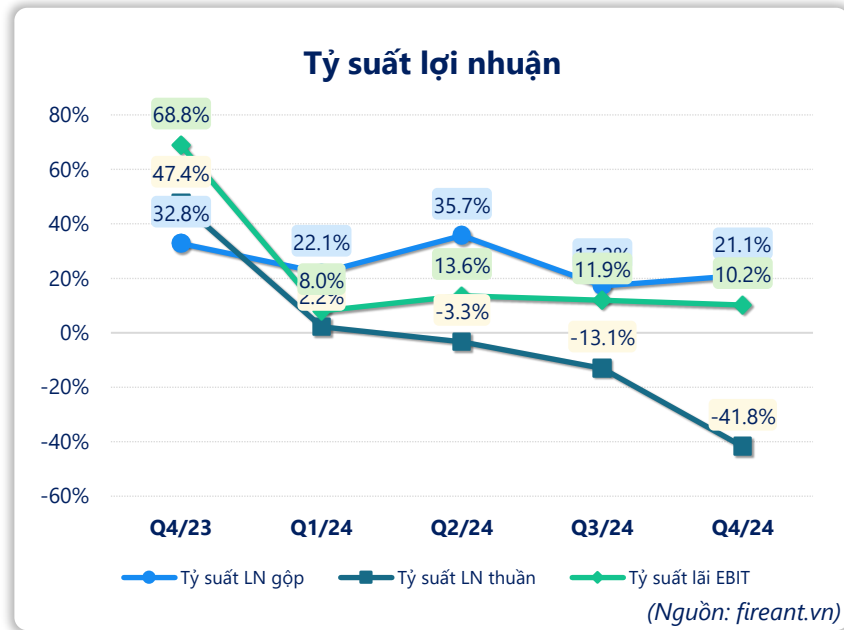
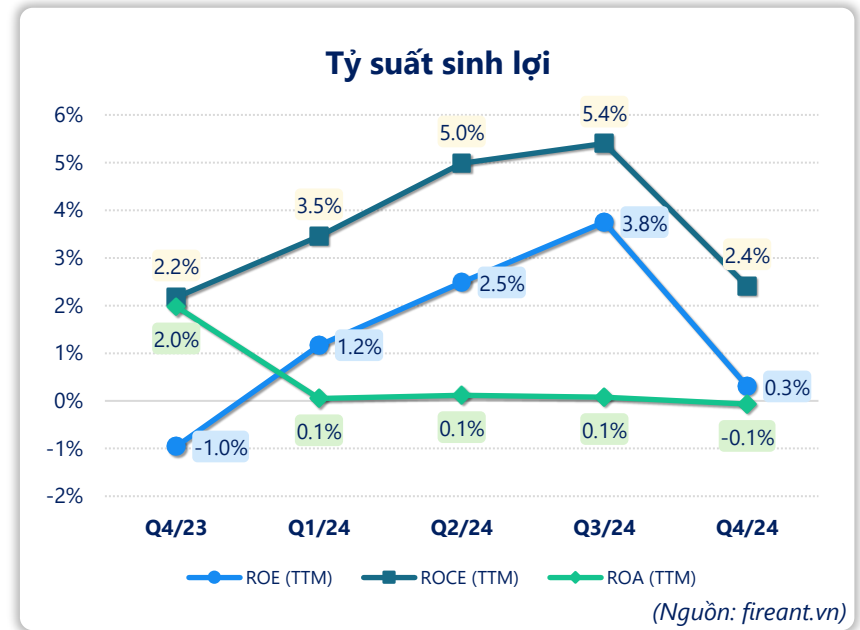
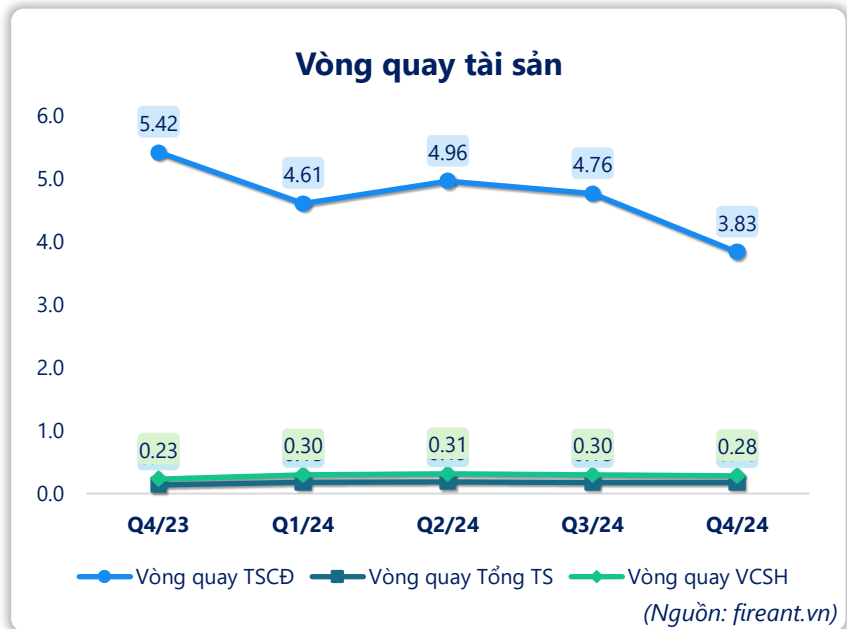
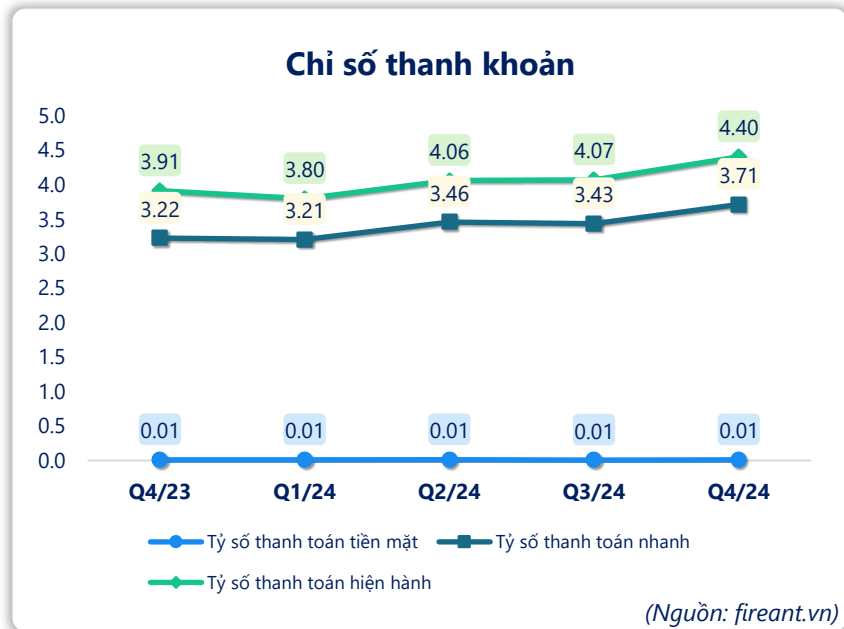
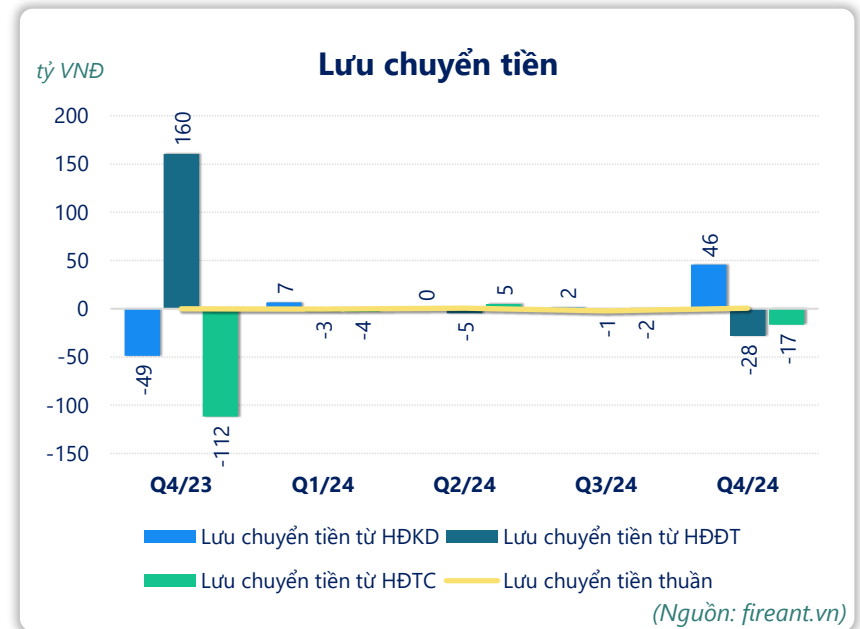


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		6,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,100
SL cổ phiếu LH		79,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		582,690
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		474
P/E		164.3
EPS		37

	YTD	1T	3T	6T
DGT		0.0%	-11.8%	-11.8%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,558	1,607	-3.0%
Tài sản ngắn hạn	1,359	1,426	-4.7%
Tiền và tương đương tiền	2.70	4.01	-32.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,137	1,164	-2.4%
Hàng tồn kho	213	255	-16.5%
Tài sản ngắn hạn khác	6.30	3.07	105%
Tài sản dài hạn	199	180	10.5%
Phải thu dài hạn	7.02	6.15	14.2%
Tài sản cố định	80.3	60.5	32.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.34	9.93	-36.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	106	104	1.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	556	607	-8.5%
Nợ ngắn hạn	309	356	-13.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.66	18.6	-80.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	135	181	-25.4%
Nợ dài hạn	247	252	-1.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	242	241	0.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,002	999	0.3%
Vốn chủ sở hữu	1,002	999	0.3%
Vốn điều lệ	790	790	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	59.4	88.6	67.8	61.4	52.0
Giá vốn hàng bán	39.9	69.0	43.6	50.8	41.0
Lợi nhuận gộp	19.5	19.6	24.2	10.6	11.0
Doanh thu HĐTC	57.0	0.00	0.00	0.00	0.08
Chi phí TC	11.9	6.77	6.89	6.06	5.57
Chi phí lãi vay	9.58	5.60	6.89	5.99	5.65
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	12.4	7.66	12.9	8.23	5.85
Chi phí QLDN	24.0	3.20	6.59	4.29	21.4
LN thuần từ HĐKD	28.2	1.96	-2.23	-8.03	-21.7
Lợi nhuận khác	3.10	-0.46	4.54	9.37	21.4
LN trước thuế	31.3	1.49	2.31	1.34	-0.34
Lợi nhuận sau thuế	31.2	1.49	2.16	1.34	-1.78
LNST của CĐ cty mẹ	31.2	0.83	1.87	1.22	-1.03

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-48.8	6.72	0.46	1.54	45.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	160	-3.42	-4.78	-1.31	-28.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-112	-3.52	4.86	-2.42	-16.8
Tiền đầu kỳ	4.19	4.01	3.78	4.32	2.13
Lưu chuyển tiền thuần	-0.18	-0.23	0.54	-2.19	0.57
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.01	3.78	4.32	2.13	2.70

(Nguồn: fireant.vn)